

Đề tài:

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP & NÔNG THÔN
ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

BÁO CÁO PHỤ LỤC

- Kết quả khảo sát: 2 tỉnh, 5 huyện, 4 xã, và một số hợp tác xã ở đồng bằng sông Hồng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp & nông thôn.
- Kết quả điều tra xã hội học tình hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn đồng bằng sông Hồng.

Bản gốc xâu.

MỤC LỤC

A. Phụ lục 1.

1. Hưng Yên - Cách nhìn và những bài học về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.
2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ngoại thành Hà Nội.
3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn huyện Đông Anh ngoại thành Hà Nội.
4. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn huyện Từ Sơn - Bắc Ninh.
5. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn huyện Mỹ Hòa - Hưng Yên.
6. Sản xuất CN & TTCN trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn huyện Kim Sơn - Ninh Bình.
7. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn huyện Kiến Xương Thái Bình.
8. Nghề thủ công mỹ nghệ ở xã Văn Hòa - Đông Anh, Hà Nội - Thực trạng và giải pháp.
9. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn xã Phong Khê - Yên Phong - Bắc Ninh.
10. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn xã Châu Khê - Từ Sơn - Bắc Ninh.
11. Phát triển làng nghề truyền thống xã Hồng Thái - Kiến Xương - Thái Bình.
12. Về sự phát triển của các hợp tác xã thành lập theo Luật hợp tác xã.

B. Phụ lục 2: Kết quả phỏng vấn điều tra về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn đồng bằng sông Hồng.

HUNG YÊN- CÁCH NHÌN VÀ NHỮNG BÀI HỌC VỀ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP- NÔNG THÔN

1- Khái quát chung về đặc điểm kinh tế- xã hội Hưng yên

Hung yên là một tỉnh nằm ở phía Nam đồng bằng sông Hồng, đã có lịch sử khá lâu dài. Sau một thời gian khá dài được sáp nhập với tỉnh Hải dương thành tỉnh Hải hưng, Hưng yên lại được tách ra khỏi tỉnh Hải hưng cũ vào năm 1997. Dân số toàn tỉnh hiện nay là hơn 1,1 triệu người, tốc độ tăng tự nhiên là 1,29%/ năm, khá cao so với khu vực. Diện tích tự nhiên của tỉnh là gần 891 km², trong đó có 605,9 km² đất nông nghiệp, chiếm 68% tổng diện tích toàn tỉnh¹. Hưng yên là tỉnh ở đồng bằng sông Hồng không có biển và hầu như không còn đất chưa được khai thác. Vốn là một tỉnh nông nghiệp lâu đời, dân cư Hưng yên có truyền thống sản xuất nông nghiệp, có kinh nghiệm phong phú về thâm canh lúa nước.

Trong 11 tỉnh trên địa bàn đồng bằng sông Hồng, Hưng yên là một tỉnh xếp thứ 8 về dân số, thứ 9 về diện tích và thứ 7 về GDP sản xuất, nhưng lại xếp thứ 2 về mật độ dân số trên 1 km², chỉ thấp hơn thành phố Hà nội. Tuy thứ hạng của tỉnh so với toàn bộ vùng đồng bằng sông Hồng là ổn định trong suốt 5 năm qua, nhưng khoảng cách của tỉnh so với các tỉnh dẫn đầu khu vực (Hà nội, Hải phòng) đã tăng khá nhanh về giá trị tuyệt đối (15.759 tỷ năm 1999 so với 11.630 tỷ năm 1996). Đáng chú ý là sự khác biệt này vẫn khá lớn, mặc dù tốc độ tăng trưởng của Hải hưng đứng hàng thứ 3 trong khu vực, chỉ sau Vĩnh phúc và Hà nội. Nếu xét về chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người, Hưng yên là tỉnh đứng cuối cùng của đồng bằng sông Hồng: năm 1998 chỉ số này chỉ đạt mức 155.050 đ/ người. tháng, bằng 38,8% mức của

¹ Cục Thống kê Hưng yên: Niên giám thống kê tỉnh Hưng yên. 1998.
Phạm Đình Phú: Hưng yên phấn đấu thực hiện chương trình kinh tế- xã hội 2001- 2010.
Thông tin Khu Công nghiệp Việt nam 10. 2000.

Hà nội và 64,5% mức bình quân của toàn vùng đồng bằng sông Hồng trong cùng thời kỳ. Tỷ lệ tích lũy trong thu nhập bình quân của dân cư Hưng yên cũng mới khá thấp, chỉ mới đạt 15,9%, đứng thứ 6 trong vùng đồng bằng sông Hồng, rất thấp so với Hà nội (31,5%) và Hải phòng (26,6%), thậm chí cũng thấp so với Bắc ninh (21,8%) là một tỉnh có điều kiện tương tự và trình độ phát triển không cao lắm².

Trong thời gian 5 năm qua, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của toàn tỉnh đạt 12,17%, trong đó ngành nông nghiệp có tốc độ tăng bình quân 4,72%, công nghiệp tăng 60,19%. Nông nghiệp là ngành sản xuất chủ yếu của Hải hưng, hiện nay vẫn tạo ra trên 50% GDP của tỉnh. Các sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu sản phẩm của tỉnh. Tuy sản lượng nông sản được chế biến (chủ yếu là sơ chế) đã tăng mạnh trong 5 năm qua, nhưng tỷ trọng của chúng không tăng do sản lượng nông sản của tỉnh cũng tăng rất nhanh. Hơn nữa, trong những năm vừa qua, do ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, giá trị sản phẩm nông nghiệp trên một đơn vị diện tích canh tác đã tăng lên khá nhanh.

Cơ cấu GDP của Hưng yên đã có sự chuyển dịch khá mạnh mẽ: Nông nghiệp từ gần 62% năm 1995 giảm xuống còn 51,22% năm 1998 và 50,8% năm 1999, công nghiệp tăng từ 11,78% lên 22,00% trong cùng thời kỳ (giá trị sản lượng tăng gấp 5,3 lần so với khi mới tách tỉnh) và dịch vụ ổn định tương đối ở mức trên 26%. Sản phẩm chủ yếu của công nghiệp là các sản phẩm may mặc (trong đó gia công chiếm một tỷ trọng lớn tuyệt đối) và nông sản (với mức độ chế biến khác nhau). Năm 2000, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh là 30 triệu USD³ (so với mức 21,979 triệu USD năm 1998)⁴. Biểu số 1

² Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng (Bộ Khoa học- Công nghệ và môi trường): Tư liệu vùng đồng bằng sông Hồng. NXB Khoa học và kỹ thuật. Hà nội, 1999.

³ Phạm Đình Phú: Hưng yên phấn đấu thực hiện chương trình kinh tế- xã hội 2001- 2010. Sdd.

phản ánh những nét cơ bản trong sự phát triển của Hưng yên trong những năm vừa qua.

Biểu số 1: Một số chỉ tiêu chủ yếu về Hưng yên trong thời kỳ 1996- 1999⁵

	Chỉ tiêu	Đơn vị	1996	1997	1998	1999
1	Dân số	Người				
2	GDP (Giá thực tế)	Tỷ đồng	2.354	2.581,2	3.105,0	3.360,0
3	GDP (Giá 1994)	Tỷ đồng	1.870,6	2.125,5	2.342,0	2.525,0
4	Tốc độ tăng trưởng	%		13,6	10,2	7,8
5	Vốn đầu tư XDCB	Tỷ đồng	262,0	753,0	712,0	
6	Thu nhập bình quân đầu người (giá thực tế)	1000 đ/ tháng		148,44	155,05	
7	Kim ngạch xuất khẩu	1000 USD	14.202,0	22.181,0	21.979,0	
8	Kim ngạch nhập khẩu	1000 USD		16.454,4	79.110,1	
9	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn *	Tỷ đồng	68	91	107,55	
10	Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách *	%	2,89	3,53	3,46	
11	Vốn huy động của NH*	Tỷ đồng		426,1	568,75	

(Các chỉ số có dấu * lấy từ Niên giám thống kê Hưng yên 1999).

2- Cơ cấu kinh tế và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Hưng yên

Hưng yên gần như là một tỉnh nông nghiệp thuần túy, bởi mặc dù công nghiệp và dịch vụ chiếm tới gần 50% giá trị GDP, những sản phẩm và dịch vụ này chủ yếu và gắn chặt với nông nghiệp và nông thôn. Hơn nữa, 76,8% lực lượng lao động của Hưng yên hoạt động trong lĩnh vực nông- lâm nghiệp, chỉ có 8,8% hoạt động trong công nghiệp và xây dựng, 91,7% dân số sống ở

⁴ Cục Thống kê Hưng yên. Sdd.

⁵ Trung tâm nghiên cứu và phát triển vùng (Bộ Khoa học- công nghệ và môi trường): Tư liệu vùng đồng bằng sông Hồng. NXB Khoa học và kỹ thuật. Hà nội 1999. Phần Hưng yên.

nông thôn⁶. Năm 1999, giá trị sản lượng nông nghiệp là 2.078,6 tỷ đồng, tăng 9,83% so với năm 1998. Trong nông nghiệp, trồng trọt là ngành chính của Hưng yên, với 68,15% giá trị sản xuất. Ngành chăn nuôi chiếm tỷ trọng 30,4% và dịch vụ nông nghiệp chiếm chỉ 1,45% giá trị sản xuất nông nghiệp. Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 1999 đã đạt mức bình quân 32 triệu đồng/ha canh tác⁷.

Ngay trong nông nghiệp, vừa qua tỉnh đã có những đầu tư nhằm 3 hướng i) nâng cấp cơ sở hạ tầng vật chất- kỹ thuật phục vụ nông nghiệp- nông thôn, ii) đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật- công nghệ vào nông nghiệp và iii) thay đổi cơ cấu của nông nghiệp trong tỉnh. Về việc nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, Hưng yên đã tiến hành mạnh mẽ việc kiên cố hoá hệ thống kênh mương cho nông nghiệp và phát triển, nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn. Hàng năm, tỉnh dành khoảng 30% ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn. Trong lĩnh vực ứng dụng tiến bộ khoa học- công nghệ, Hưng yên tăng cường trang bị máy móc thiết bị thích hợp cho nông nghiệp, đưa các loại giống mới, đặc biệt là các loại đặc sản, có chất lượng cao và có giá trị cao vào sản xuất. Đặc biệt, việc phát triển sản xuất được gắn với việc đẩy mạnh thương mại, đổi mới các loại sản phẩm và đưa các sản phẩm địa phương, các sản phẩm với thương hiệu của địa phương tiêu thụ một cách rộng rãi trên thị trường trong và ngoài nước (lúa đặc sản, lợn có tỷ lệ nạc cao, Shin hoá đàn bò, ...). Năm 2000, tỉnh đặt vấn đề phát triển sản xuất nông sản, thực phẩm sạch nhằm cung cấp cho các đô thị (trước hết là Hà nội và Hải phòng), đồng thời bảo vệ môi trường của địa phương.

⁶ Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Một số vấn đề về tổng kết việc thực hiện các chủ trương và quy hoạch phát triển vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 1991- 2000. Chương trình "Điều tra, tổng kết việc thực hiện các chủ trương về phát triển kinh tế- xã hội tại một số vùng", dẫn theo Tổng cục Thống kê: Điều tra Lao động- việc làm 01. 7. 1998 và Cục Thống kê Hưng yên: Niên giám thống kê 1998.

⁷ Hoàng Văn Thịnh: Nông nghiệp Hưng yên phấn đấu thực hiện kế hoạch năm 2000. Thông tin Khu Công nghiệp Việt nam 10. 2000.

Song song với việc áp dụng các biện pháp trên, Hưng yên đã làm thay đổi được tư duy và các nhìn nhận các giá trị của nông dân trong tỉnh, không chỉ dùng năng suất cây trồng, vật nuôi để đánh giá kết quả sản xuất, mà lấy giá trị sản phẩm và thu nhập trên mỗi đơn vị diện tích đất nông nghiệp để đánh giá năng suất và hiệu quả của sản xuất. Việc lựa chọn sản phẩm nông nghiệp cũng đã được thay đổi, bắt đầu từ chỗ xác định đầu ra cho chúng chứ không phải là dựa trên thế mạnh của tỉnh trước tiên. Tính chất hàng hoá của sản xuất nông nghiệp Hưng yên đã được nâng cao một cách rõ rệt. Sản lượng, giá trị các mặt hàng đặc sản của địa phương đã được nâng cao, tỷ lệ nông sản đã qua chế biến cũng đã tăng đáng kể trong những năm qua.

Cùng với việc xây dựng đường 5, một hành lang kinh tế ven đường 5 đã hình thành, trong đó một phần quan trọng dài 22 km thuộc Hưng yên. Khu vực Như Quỳnh- Phố Nối- Hải dương đang phát triển thành một trung tâm kinh tế, tạo thành một vùng động lực kinh tế cho tỉnh, trong đó khu công nghiệp Như Quỳnh đã được lấp đầy tới 70% diện tích bằng 16 dự án. Quá trình đô thị hoá khu vực này cũng được đẩy mạnh với việc nâng cấp cơ sở hạ tầng vật chất (trước hết là việc nâng cấp hệ thống đường nội bộ và hệ thống điện, thông tin liên lạc), quy hoạch nội bộ và xây dựng các cơ sở dịch vụ/ phục vụ cần thiết cho đời sống đô thị trong khu vực. Nhờ sự cải thiện môi trường như trên, hiện khu vực hành lang đường 5, đặc biệt là khu vực thuộc Hưng yên, đang trở thành một vùng có sức thu hút mạnh mẽ đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, việc mở rộng và nâng cấp đường 38 (20 km trên địa bàn Hưng yên) đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đô thị hoá và phát triển kinh tế của khu vực ven con đường này. Trai trang và thị xã Hưng yên đang trở thành 2 trung tâm kinh tế- tiểu đô thị trong vùng hành lang kinh tế ven đường 38.

Với những điều kiện như mô tả trên đây, và *nhìn từ góc độ toàn quốc*, công nghiệp hoá Hưng yên chính là một bộ phận, một nội dung của công

ng nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, trong đó chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp hoá nông nghiệp của tỉnh, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng vật chất- kỹ thuật và kinh tế- xã hội là những nhiệm vụ trọng tâm và là nội dung then chốt.

Hung yên cũng nhìn nhận công nghiệp hoá như là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và nâng cao trình độ khoa học- công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, nâng cao mức sống và trình độ phát triển nói chung của dân cư trong tỉnh. Tuy nhiên, Hung yên có những hạn chế thường thấy ở các khu vực chậm phát triển về kinh tế là:

- Hạn chế về nguồn lực, đặc biệt là nội lực. Điều này có thể thấy rõ qua lượng và tỷ lệ tích lũy từ GDP của tỉnh: Năm 1998, toàn bộ các khoản thu cho ngân sách nhà nước trên địa bàn chỉ ở mức 107,5 tỷ đồng, chiếm 3,46% GDP trên địa bàn tỉnh. Cũng trong năm đó, mức đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn chỉ đạt 750 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước địa phương là 74,75 tỷ đồng, chưa bằng được 10% tổng mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản của tỉnh⁸. Tuy có giảm đi so với năm 1997, vốn đầu tư nước ngoài vẫn chiếm tỷ lệ cao (năm 1998, chiếm 48,46% tổng số vốn đầu tư cơ bản trên địa bàn tỉnh, so với 56,97% năm 1997). Trong khi đó, cũng vào năm 1998, vốn tự huy động của các ngân hàng thương mại Hung yên chỉ ở mức trên 318 tỷ đồng, tương đương với 44,7% lượng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn. Tình trạng trên hiện chưa được cải thiện đáng kể. Điều này còn bị tác động bất lợi bởi xu hướng đầu tư của dân cư: hướng vào các công trình phục vụ sinh hoạt và đời sống nhiều hơn vào sản xuất trực tiếp.

⁸ Cục Thống kê Hưng yên: Niên giám thống kê 1998. Sdd.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và văn hoá- xã hội kém phát triển. Tuy 100% số xã đã có điện, có đường ô tô đến tận xã nhưng trên địa bàn tỉnh chỉ mới có 1.541,6 km đường bộ (từ đường từ cấp liên xã trở lên), trong đó đường quốc lộ và tỉnh lộ là 164,1 km, trong đó có 2 tuyến đường quan trọng nhất là đường 5 nối với Hà nội và Hải phòng, Hải dương, đường 38 nối với Thái bình. Tính bình quân, trên 1 km² diện tích, Hưng yên có trên 1,7 km đường bộ. Tới năm 1998, toàn tỉnh có 18 tổng đài điện thoại với 8.937 máy, đạt mức bình quân 0,81 máy/ 1000 dân⁹. Với cả hai tiêu thức này, trình độ phát triển của Hưng yên đều ở mức thấp nhất so với trình độ bình quân của khu vực đồng bằng sông Hồng. Trên địa bàn tỉnh chưa có cơ sở kinh doanh dịch vụ kinh doanh và tư vấn kinh doanh nào.
- Thiếu nhân lực có trình độ cao (cả về kỹ thuật- công nghệ lẫn quản lý), động lực kinh doanh chưa mạnh mẽ. Trên địa bàn tỉnh, hiện có 3 trường cao đẳng, 4 trường trung cấp, 327 trường phổ thông cơ sở, 18 trường phổ thông trung học. Trong các trường này, có 191 cán bộ đại học và 31 cán bộ trên đại học. Tuy nhiên, lực lượng này đào tạo nguồn nhân lực cho toàn khu vực chứ không chỉ riêng cho Hưng yên và tỉnh cũng chưa khai thác một cách triệt để năng lực của họ phục vụ nhu cầu phát triển của địa phương. Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về kinh doanh chưa được thực hiện một cách có hệ thống. Hàng năm, Hưng yên cũng có một lượng học sinh đáng kể thi đỗ vào các trường Đại học. Tuy nhiên, sau khi tốt nghiệp, số quay về phục vụ địa phương không nhiều. Bên cạnh việc cử cán bộ đương chức đi học tập trung tại các trường, tỉnh có phối hợp với các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ theo chế độ tại chức. Biện pháp này đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao trình độ cán bộ của địa phương. Tuy nhiên, việc vừa học vừa làm cũng có sự hạn chế nhất định về thời gian và điều kiện học tập.

⁹ Cục Thống kê Hưng yên: Niên giám thống kê 1998. Sdd.

- Hệ thống dịch vụ phục vụ kinh doanh chưa phát triển. Theo thống kê, hệ thống dịch vụ phục vụ sản xuất trên địa bàn tại thời điểm năm 1998 chỉ mới có 988 hộ với 1.082 lao động (không kể 201 hộ với 238 lao động kinh doanh, sửa chữa và bảo dưỡng các loại xe có động cơ, mô tô và xe máy)¹⁰. Như trên đã trình bày, trong số các cơ sở, lao động này không có cơ sở, lao động nào hoạt động trong lĩnh vực tư vấn kinh doanh.
- Bị cạnh tranh mạnh mẽ trong việc thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài. Tuy lượng vốn đầu tư vào Hưng yên đã tăng lên khá nhanh trong mấy năm qua, nhưng các tỉnh lân cận cũng đang cạnh tranh mạnh mẽ với Hưng yên trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là Hải dương, Hà nội và Hải phòng. Khi trục đường 18 và đường 10 được hoàn thành, Vĩnh phúc, Thái bình, Hà nam và Nam định cũng sẽ cạnh tranh gay gắt với Hưng yên trong việc thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trong thời gian qua, các tỉnh này cũng đã có những quy định, những biện pháp cụ thể tương tự Hưng yên nhằm tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư để thu hút họ vào các địa phương này (ví dụ nâng cấp và mở rộng hệ thống cơ sở hạ tầng, cấp hoặc cho thuê đất, ...). Mất đi những lợi thế này, khả năng thu hút vốn bên ngoài của Hưng yên sẽ bị giảm sút nghiêm trọng.

Với tiềm năng hạn chế và điểm xuất phát chậm, Hưng yên dựa vào những điều kiện sau đây để công nghiệp hoá:

- Có lượng lao động lớn, mức thu nhập bình quân của dân cư thấp cho phép có thể huy động nhiều lao động phổ thông một cách nhanh chóng với mức tiền lương thấp. Đáng lưu ý là lực lượng lao động này chưa được đào tạo nhưng đều có trình độ văn hoá cơ bản khá cao, có thể nhanh chóng tiếp thu các chương trình đào tạo nghề do các nhà đầu tư tiến hành. Hơn nữa, bản thân lực lượng lao động này cũng rất chủ động trong việc học

¹⁰ Cục Thống kê Hưng yên: Niên giám thống kê 1998. Sđd.